

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TÂN CHÂU  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/8/2020

V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH ANGIANG.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Thế Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thế Phương;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bảo Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/3/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp Vĩnh Lợi 1, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt

- Bị đơn: Anh Lê Tấn M, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có đơn xin vắng mặt ngày 10/7/2020.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 14/02/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ngọc K trình bày: Về hôn nhân tôi với anh Lê Tấn M được người lớn mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý, tôi với anh M tổ chức lễ cưới vào năm 2009, chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số: 11/HT, quyển số 02/2009 ngày 20/01/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó anh M thường kiếm chuyện đánh đập tôi vô cớ và cứ như vậy

nhiều lần, tôi thấy sợ, Đến năm 2012 anh M đánh và đuổi tôi ra khỏi nhà và không cho tôi lấy bất cứ thứ gì của tôi mang theo. Tôi với anh M không còn sống chung từ năm 2012 cho đến nay. Tình cảm của tôi đối với anh M không còn, yêu cầu ly hôn với anh M.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, tôi và anh M có 01 con chung tên Lê Tấn T, sinh ngày 06/6/2009, hiện con đang sống với anh M, khi ly hôn tôi đồng ý giao con cho anh M nuôi dưỡng và tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi với anh M không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Tấn M khai: Về hôn nhân tôi với cô Nguyễn Thị Ngọc K được người lớn mai mối, cha mẹ hai bên đồng ý, tôi với cô K tổ chức lễ cưới vào năm 2009, chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Sau đó 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm và có một lần vợ chồng cự cãi với nhau, tôi không kiềm chế được nên đã lỡ đánh vợ tôi nên vợ tôi đã tự ý bỏ nhà đi từ năm 2012 đến nay. Vợ chồng tôi không còn sống chung từ năm 2012 cho đến nay. Tôi không đồng ý ly hôn, tôi yêu cầu được đoàn tụ lại vì tôi còn thương vợ.

Về con chung: Tôi với cô K có 01 đứa con chung tên Lê Tấn T, sinh ngày 06/6/2009, hiện con đang sống với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cô K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Tôi với cô K không có tài sản và nợ chung.

*Biên bản xác minh ngày 19/8/2020 của Hội phụ nữ xã Châu Phong cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị K với anh M thể hiện:* Chị K với anh M cưới nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Phong, sau khi cưới nhau thì hai người sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, trong cuộc sống vợ chồng thường gây gổ với nhau, anh M thường xuyên ăn nhậu về và dùng lời lẽ thô tục chửi bới chị K, có đôi lúc anh Mạnh đánh chị khiến nên chị K mới bỏ nhà đi. Về tình cảm hai người không còn, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì chị K với anh M đã sống ly thân nhau 08 năm nay.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thực hiện được do anh M vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh ngày 19/8/2020 của Hội phụ nữ xã Châu Phong, biên bản lấy lời khai của anh M ngày 17/7/2020, đơn xin vắng mặt của anh M, biên bản lấy lời khai cháu Lê Tấn T ngày 10/7/2020.

Tại phiên tòa, chị K giữ nguyên yêu cầu, anh M vắng mặt,

Chị K xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác; anh M không cung cấp chứng cứ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Việc tuân thủ pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ngọc K và anh Lê Tấn M có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, năm 2012 giữa chị K với anh M có phát sinh mâu thuẫn. Chị K với anh M đã không còn sống chung thời gian dài. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị K với anh M có 01 con chung tên Lê Tấn T, sinh ngày 06/6/2009, hiện cháu đang sống với anh M, chị K đồng giao con cho anh M nuôi dưỡng, anh M cũng có yêu cầu được nuôi con và anh M không yêu cầu chị K cấp dưỡng.

Căn cứ vào quyền lợi và điều kiện môi trường tốt, đề nghị giao cháu Lê Tấn T cho anh M nuôi dưỡng, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *Về tố tụng:*

[1] Thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Ngọc K khởi kiện “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” với anh Lê Tấn M, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Tổ 15, ấp Vĩnh Lợi 2, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Anh Lê Tấn M vắng mặt, có đơn xin vắng mặt đệ ngày 10/7/2020 Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

#### *Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc K và anh Lê Tấn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 11/HT, quyển 02/2009 ngày 20/01/2010. Xét, hôn nhân giữa chị K và anh M là hợp pháp.

Chị K khai, quá trình chung sống chị và anh M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, đời sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Hai người không còn sống chung từ 08 năm nay. Tình cảm của chị K đối với anh M không còn, yêu cầu ly hôn với anh M. Anh M không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ.

*Biên bản xác minh ngày 19/8/2020 của chủ tịch Hội phụ nữ xã Châu Phong cung cấp về tình trạng hôn nhân của chị Kiến với anh Mạnh thể hiện:* Chị K với anh M cưới nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Phong, sau khi cưới nhau thì hai người sống hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong cuộc sống vợ chồng thường gây gổ với nhau, anh M thường xuyên ăn nhậu về và dùng lời lẽ thô tục chửi bới chị K, có đôi lúc anh M đánh chị K nên chị K mới bỏ nhà đi. Về tình cảm 02 người không còn, sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì chị K với anh M đã sống ly thân nhau 08 năm nay.

Theo khoản 2 Điều 17, Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp,... và lý do chính đáng khác”;

“Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau”.

Chị K với anh M có thời gian dài không sống chung, 02 người không tự hàn gắn lại được, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Giữa chị K với anh M đã sống xa cách nhau từ năm 2012 đến nay.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét, chấp nhận yêu cầu của chị K ly hôn đối với anh M.

[3] Về con chung: Chị K với anh M thống nhất với nhau, trong thời kỳ hôn nhân chị K với anh M có 01 con chung tên Lê Tấn T, sinh ngày 06/6/2009 đang sống cùng với anh M. Chị K đồng ý giao cho anh M nuôi dưỡng và chị K không cấp dưỡng nuôi con. Anh M cũng có yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị K cấp dưỡng .

Xét, giao cháu Lê Tấn T, sinh ngày 06/6/2009 cho anh M nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị K trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị K với anh M thống nhất với nhau, hai người không có tài sản chung và nợ chung. Xét, không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị K được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002535 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Lê Tấn M không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

*(Theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án).*

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc K.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc K được ly hôn anh Lê Tấn M

Giấy chứng nhận kết hôn số 11/HT, quyển 02/2009 ngày 20/01/2010 do UBND xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị K và anh M không còn giá trị pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Lê Tấn T, sinh ngày 06/6/2009 cho anh Lê Tấn M nuôi dưỡng.

Công nhận anh Lê Tấn M tự nguyện nuôi con mà không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Tấn M cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị Nguyễn Thị Ngọc K trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa chị Nguyễn Thị Ngọc K với anh Lê Tấn M không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị K được chuyển từ

tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002535 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu;

Anh Lê Tấn M không phải chịu tiền án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Ngọc K có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Lê Tấn M là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện KSND TX (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TX (1);
- UBND xã Châu Phong
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Thế Minh**